

Bản số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (bà): Phạm Anh Tuấn

2. Ông (bà): Ngô Thị Hồng Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lô Thị Lệ Hoài - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đồng hồ, tỉnh Thái Nguyên

-**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hồ tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Q**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

- **Bị đơn: Anh Đặng Đức P**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm D, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hoàng Thị Q trình bày:

Chị và anh P kết hôn ngày tháng 01/2002, trước khi kết hôn có được tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới, chị Q về sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm D xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hoà thuận, anh P luôn chửi bới và đánh chị khiến chị thấy cuộc sống không hạnh phúc. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân với nhau từ khoảng hai năm nay. Do không còn tình cảm vợ chồng nên chị Q xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có hai con là: Đặng Huy H, sinh ngày 21/5/2002 và Đặng Hoàng Q, sinh ngày 30/10/2015. Chị Q xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Đức P, Toà án đã báo gọi nhiều lần nhưng anh P không đến Toà án làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 06/7/2018, ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ anh P trình bày: Gia đình có nhận được thông báo thụ lý vụ án ly hôn giữa chị Q và anh P, bà T đã gọi điện báo cho anh P nhưng do anh P đi làm ăn xa, nay đây mai đó, thỉnh thoảng mới về nên không thể đến Toà án làm việc được. Về điều kiện kết hôn, Ông H – bà T khẳng định vợ chồng Q - P có được tìm hiểu nhau, kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, ông bà cho rằng hai vợ chồng không hợp tính cách, thường cãi nhau nên chị Q đi lao động xuất khẩu ở Malaysia đến năm 2015 mới về nước nhưng cũng không khắc phục được tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Sau khi về nước, vợ chồng cũng không sống được với nhau nên chị Q bỏ đi, Anh P cũng đi làm ăn xa, vợ chồng không chung sống với nhau từ đó đến nay. Anh P có nói lại với ông bà rằng: vợ chồng không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn, còn con chung anh P cho rằng vợ chồng chỉ có một con chung là Đặng Huy H. Việc con chung ở với ai sẽ do cháu H tự quyết định. Về tài sản chung, anh P không có ý kiến gì.

Con chung Đặng Huy H đã có lời khai xin được ở với bố là Đặng Đức P.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS như việc xác định thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng, cho đương sự viết tự khai, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, mở phiên họp... Thời hạn xét xử được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa HĐXX và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn về cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được HĐXX xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Áp dụng các Điều 21, 147 Bộ luật TTDS, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, đề nghị HĐXX quyết định: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, cho chị Q được ly hôn với anh P. Về con chung: Chị Q đề nghị được nuôi cả hai con. Tuy nhiên, cháu H có nguyện vọng được ở cùng với bố là anh P. Xét theo thực tế, giao cháu Đặng Huy H tiếp tục ở với anh Đặng Đức P còn cháu Đặng Hoàng Q do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Chị Q không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Án phí: chị Q phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa các đương sự đều có Hộ khẩu thường trú tại: huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho anh Đặng Đức P theo quy định tại Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 196 và Điều 220 Bộ luật TTDS nhưng anh P không thu xếp được công việc để tham gia phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay anh P tiếp tục vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật TTDS quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Đức P.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Q và anh Đặng Đức P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Q và anh P sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị Q đã đi lao động xuất khẩu ở Malaysia để giải toả mâu thuẫn vợ chồng. Năm 2015 chị Q về nhà, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được nên chị Q về nhà bố mẹ đẻ sống, anh P cũng đi làm ăn, hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Như vậy, xét tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Q và anh P có hai con là Đặng Huy Hoàng, sinh ngày 21/5/2002 và Đặng Hoàng Quyên, sinh ngày 33/10/2015. Hiện cháu Hoàng đang ở cùng anh P, cháu Quyên đang ở với chị Q. Xét nguyện vọng của cháu Hoàng và đề nghị của chị Q, chấp nhận cho chị Q được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Hoàng Quyên; anh P được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Đặng Huy Hoàng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Toà không xem xét do không có yêu cầu.

Về tài sản: Toà án không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Hoàng Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 174, 175, 177, 196, 220, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị Q, cho chị Hoàng Thị Q được ly hôn với anh Đặng Đức P.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Huy H cho anh P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi), giao cho chị Q cháu Đặng Hoàng Quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Hoàng Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016002 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn (chị Q), vắng mặt bị đơn (anh P). Báo cho chị Q biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh P biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng hỷ;
- UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn